

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ G
TỈNH B
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2021

Về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhân**
Ông **Thái Bảo Toàn**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Đèo** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thanh Thúy**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 149/2021/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 06A/TB-TA ngày 06/9/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn P**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp D, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh B. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*
- *Bị đơn:* Chị **Bùi Thị Sầu H**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Văn P trình bày:

Anh Lê Văn P và chị Bùi Thị Sầu H chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật. Cuộc sống vợ chồng ban đầu rất hòa hợp, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến đầu năm 2021 cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, sống không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, gia đình có nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay anh P yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đối với bị đơn chị Bùi Thị Sầu H:

Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với chị Bùi Thị Sầu H.

Về con chung: Đồng ý giao con chung tên Lê Gia V, sinh ngày 24/5/2005 và Lê P Anh, sinh ngày 28/12/2011 cho chị Bùi Thị Sầu H trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, anh xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị Sầu H trình bày:

Chị H đồng ý theo phần trình bày của anh Lê Văn P, vợ chồng chung sống với nhau năm 2005 (16 năm), có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn P, chị H có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Sầu H đồng ý theo yêu cầu ly hôn của anh P.

Về con chung: Lê Gia V, sinh ngày 24/5/2005 và Lê P Anh, sinh ngày 28/12/2011, hiện tại chị H đang nuôi con, yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu tranh luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu HĐXX tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn P và chị Bùi Thị Sầu H. Về con chung: Giao chị Bùi Thị Sầu H nuôi con chung tên Lê Gia V, sinh ngày 24/5/2005 và Lê P Anh, sinh ngày 28/12/2011, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Văn P. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án có đủ căn cứ nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn P và chị Bùi Thị Sầu H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào Điều 228 và 238 BLTTDS xét xử vắng mặt anh P, chị H tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2005, anh Lê Văn P và chị Bùi Thị Sầu H tự nguyện sống chung vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh P và chị H thống nhất, đến đầu năm 2021 cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, sống không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, gia đình có nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy, về quan hệ hôn nhân anh P và chị H chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa anh P và chị H là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội.

[2.2] Về con chung: Tại biên bản ghi ý kiến ngày 10/6/2021, con chung Lê Gia V và Lê P Anh có nguyện vọng sống với chị Bùi Thị Sầu H. Vì vậy, HĐXX có căn cứ giao hai người con chung tên Lê Gia V, sinh ngày 24/5/2005 và Lê P Anh, sinh ngày 28/12/2011 cho chị Bùi Thị Sầu H nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Văn P, anh P không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Văn P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147 ; Điều 228; Điều 238 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các khoản 1, Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn P và chị Bùi Thị Sầu H.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai người con chung tên Lê Gia V, sinh ngày 24/5/2005 và Lê P Anh, sinh ngày 28/12/2011 cho chị Bùi Thị Sầu H nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Văn P, anh P không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: anh Lê Văn P phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh P đã dự nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003601 ngày 31/5/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được chuyển thu án phí.

Án sử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- UBND phường Hộ Phòng, tx G;
- UBND xã Long Điền Đông A, h Đ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Phai

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đường sự;
- UBND xã Phong Thạnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phai

Án sử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA